

Số: 79 /2021/QĐST- HNGĐ

H, ngày 05 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 56/2020/ TLST-HNGĐ ngày 20/01/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- **Chị Nguyễn Kiều A**, sinh năm 1993;

HKTT: Tổ 26, phường V, quận H, H;

Trú tại: Số 1 P, phường M, quận Cy, H.

- **Anh Phạm Duy H**, sinh năm 1990;

HKTT: Tổ 26, phường V, quận H, H;

Trú tại: Số 23, tổ 26, phường V, quận H, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H trình bày:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, Hà Nội vào ngày 09/9/2011. Sau khi kết hôn anh chị sống tại số 23, tổ 26, phường V, quận H, H. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 7 năm 2017 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn tình cảm trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng

không hòa giải được mâu thuẫn. Nay chị Kiều A và anh Phạm Duy H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H xác nhận có 02 con chung là: Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011 và Phạm Trí T, sinh ngày 18/4/2014. Sau khi ly hôn anh chị thỏa thuận, anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là cháu Phạm Ánh D và Phạm Trí T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiều A và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Kiều A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Anh H và chị Kiều A xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn anh chị không có thai chung.

[3]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Kiều A và anh H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị Kiều A và anh H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Kiều A tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn. Anh H đồng ý để chị Kiều A chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra chị Kiều A và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thảo thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H.

* **Về con chung:** Chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H xác nhận có 02 con chung là: Phạm Ánh Dương, sinh ngày 08/10/2011 và Phạm Trí Thiện, sinh ngày 18/4/2014.

Giao hai con chung cháu Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011 và Phạm Trí T, sinh ngày 18/4/2014. cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày

quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 05/02/2021) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Kiều A và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Kiều A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Chị Kiều A và anh H xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết anh chị không có thai chung.

*** Về tài sản chung** (động sản và bất động sản): Chị Kiều A và anh H xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

*** Về nợ chung:** Chị Kiều A và anh H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Kiều A và anh Phạm Duy H. mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Kiều A chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền chị Kiều A đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006459 ngày 6459 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- UBND phường Vĩnh Hưng,
Quận H, Hà Nội;
- Số: 92, quyển số: 01/2011.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình T

